TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03/02/2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà Vũ Thị Yến.
Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng
Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Quyên- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 653/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 298/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1995

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản.

Người được chị L ủy quyền giao nhận văn bản: Chị Hoàng Thị H, sinh 2002; địa chỉ: Số H đường N, phường C, thành phố H.

- *Bị đơn*: Anh **Phan Văn Đ**, sinh năm 1996

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản.

(Chị L đề nghị giải quyết vắng mặt; anh Đ được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt - Nguyên đơn chị Lê Thị Liệu trình B:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Phan Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; sau khi kết hôn thời gian ngắn, chị L và anh Đ cùng đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Từ tháng 7 năm 2024 vợ chồng không sống cùng nhau. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không

còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung, tài sản và công nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có con chung, tài sản, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị L tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Do nguyên đơn chị L không cung cấp được địa chỉ của anh Đ tại Nhật Bản. Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình anh Đ thông qua bà Phan Thị Đ1 là mẹ đẻ anh Đ. Bà Đ1 cho biết về điều kiện kết hôn giữa chị L và anh Đ như chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, thời gian ngắn, chị L và anh Đ cùng đi lao động tại Nhật Bản, do mỗi người làm một công ty nên vợ chồng không sống cùng. Anh Đ thường liên lạc về gia đình qua mạng xã hội, anh Đ có nói đến việc vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, chị L có nguyện vọng xin ly hôn, anh Đ nhất trí, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, đã thông báo cho anh Đ được biết, hiện anh Đ không có địa chỉ cụ thể tại Nhật Bản, anh Đ không cung cấp địa chỉ và không gửi văn bản về Tòa án được, anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung, tài sản, công nợ chung: Chị L và anh Đ không có tài sản, công nợ chung.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.

- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; Xử cho chị L được ly hôn anh Đ; chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị L và anh Đ có địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương ; hiện đang lao động tại Nhật Bản. Đơn xin ly hôn và các tài liệu kèm theo do chị L gửi từ Nhật Bản về đều có xác nhận của Đại sứ

quán của Việt Nam tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, chị L không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ ở Nhật Bản. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh Đ đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Nhật Bản. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Phan Văn Đ qua bà Phan Thị Đ1 (là mẹ đẻ anh Đ) để bà Đ1 thông tin lại cho anh Đ biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị L và anh Đ đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị L và người đại diện theo ủy quyền là chị H vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Đ đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị L và anh Phan Văn Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị L cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; từ tháng 7 năm 2024 vợ chồng ly thân, đến nay chị có nguyện vọng được ly hôn anh Đ. Anh Đ mặc dù không trực tiếp trình bày quan điểm nhưng thông qua gia đình anh Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L.

- *Về con chung,tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự xác định không có con chung, tài sản và công nợ chung, đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4].Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Phan Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005380 ngày 29/11/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L, anh Phan Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Tái Sơn, huyện Tứ Kỳ;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Yến